TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CON CUÔNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81 /2024/ST-HNGĐ
Ngày 28/5/2024
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lữ Thị Dung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Việt; Bà Phạm Thị Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị G - sinh năm 1992 – có mặt.

Địa chỉ: Bản C, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Vi Văn C - sinh năm 1987 - vắng mặt.

Địa chỉ: Bản X, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Phạm Thế K - Trợ giúp viên thuộc trung tâm T - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lương Thị G trình bày: Chị Lương Thị G và anh Vi Văn C kết hôn với nhau vào ngày 10/10/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, nguyên nhân do anh C không chịu khó làm ăn, thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình, vợ con, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhiều lần và hai vợ chồng

đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng cuộc sống có quá nhiều mâu thuẫn, không tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị G làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung Vi Thị An C1, sinh ngày 25/10/2010, nếu ly hôn chị G có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Vi Văn C phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lương Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị G không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng chị .

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Vi Văn C đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về tình cảm: Chị Lương Thị G và anh Vi Văn C đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện cho chị Lương Thị G được ly hôn với anh Vi Văn C; Về con chung: Vợ chồng chị G có 01 người con chung Vi Thị An C1, sinh ngày 25/10/2010, nếu ly hôn chị G có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, cháu An C1 có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ, để đảm bảo quyền lợi của con nên đề nghị HĐXX xem xét giao con chung cho chị Lương Thị G trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lương Thị G. Cho chị Lương Thị G được ly hôn với anh Vi Văn C và chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Về con chung: Giao con chung Vi Thị Anh C2, sinh ngày 25/10/2010 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí chị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú bản Xiềng, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lương Thị G và anh Vi Văn C tại UBND xã B, huyện C cho biết, sau khi đăng ký kết hôn chị G và anh C sinh sống tại bản Xiềng, xã B, huyện C, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh C nghiện ma túy. Đến năm 2018 chị G bỏ đi làm ăn xa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại anh C không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết vì anh C không khai báo cắt khẩu tạm trú, tạm vắng.Tại biên bản lấy lời khai bà Lô Thị D – Trú tại Bản X, xã B, huyện C là mẹ đẻ của anh Vi Văn C cho biết, sau khi chị G và anh C kết hôn thì sống tại gia đình bà D, năm 2018 chị G đi làm công nhân ở Miền nam và không thấy chị G trở về nhà, nguyên nhân gì thì bà không biết, thỉnh thoảng chị G có gọi điện và gửi tiền về cho bà nuôi cháu, còn anh C hiện tại cũng đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có gọi điện về cho bà D, ngày lễ, ngày tết anh C mới về nhà, còn anh C làm việc gì, địa chỉ cụ thể thì bà D không biết. Bà D mặc dù đã được nghe đọc lại biên bản lấy lời khai, xác nhận lời khai của bà là đúng sự thật nhưng không ký vào biên bản, cũng không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đến tống đạt cho anh C nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi anh C cư trú và tại trụ sở UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy, bị đơn đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tụng chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Vi Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Vi Văn C theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh C không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy chị Lương Thị G và anh Vi Văn C có đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An, việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị G và anh Vi Văn C là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị G và anh C phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy chị G và anh C đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa anh Vi Văn C vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương và gia đình cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng chị G và anh C xẩy ra nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ 2018 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện tại anh C không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết vì anh C không khai báo cắt khẩu tạm trú, tạm vắng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Lương Thị G và anh Vi Văn C không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn cho chị Lương Thị G được ly hôn với anh Vi Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị G có 01 người con chung là Vi Thị An C1, sinh ngày 25/10/2010, nếu ly hôn chị G có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Vi Văn C phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Do hiện nay anh C không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh C nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con. Xét thấy nguyện vọng của chị G là chính đáng, cháu Vi Thị An C1 có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, để đảm bảo quyền lợi của con nên xét giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi,trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Lương Thị G và anh Vi Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lương Thị G phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị G.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị G được ly hôn với anh Vi Văn C. Chị Lương Thị G và anh Vi Văn C chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung Vi Thị An C1, sinh ngày 25/10/2010 cho chị Lương Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành, anh Vi Văn C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị G cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lương Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp 300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000586 ngày 07/3/2024.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NA;*
- *VKSND huyện Con Cuông;*
- *Chi cục THADS huyện Con Cuông;*
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *UBND xã B;*
- *Lưu hồ sơ –VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lữ Thị Dung